

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây

(Ban hành kèm theo Quyết định số 409/QĐ-ĐHXD-MT

ngày 21/11/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Tây)

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi

Văn bản này quy định về hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) của tập thể, cá nhân (cán bộ giảng viên (CBGV) trong Trường Đại học Xây dựng Miền Tây

Điều 2. Mục tiêu hoạt động KH&CN

1. Bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của CBGV, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của nhà trường, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực KH&CN có trình độ cao của khu vực; kết hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN với nhiệm vụ đào tạo.

2. Tạo điều kiện cho sinh viên được làm quen, tiếp cận với công tác NCKH, phát huy khả năng sáng tạo, độc lập trong tư duy, đổi mới phương pháp học tập, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo.

3. Đưa các thành tựu KH&CN, kết quả NCKH vào phục vụ phát triển giáo dục và đào tạo, phục vụ trực tiếp nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước, nâng cao chất lượng sản phẩm KH&CN.

4. Góp phần phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, phát triển tiềm lực KH&CN của Trường thúc đẩy hội nhập với nền KH&CN tiên tiến, hiện đại.

Điều 3. Nội dung hoạt động KH&CN

Hoạt động KH&CN trong nhà trường được tổ chức thực hiện thường xuyên và được thực hiện nghiên cứu một số vấn đề cụ thể sau:

1. Nghiên cứu những vấn đề trong lĩnh vực khoa học giáo dục phục vụ cho việc đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, giáo trình, phương pháp dạy học, phương

pháp kiểm tra đánh giá,... nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong nhà trường, ở các cấp học, bậc học.

2.Nghiên cứu về khoa học kỹ thuật và công nghệ, kinh tế - xã hội, cụ thể như: giáo dục, xây dựng, kiến trúc, quy hoạch, quản lý đô thị, cấp thoát nước, giao thông, kinh tế...

3.Nghiên cứu triển khai ứng dụng những thành tựu KH&CN, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khu vực và cả nước

4.Thực hiện các hoạt động về thông tin khoa học, tổ chức hội nghị hội thảo khoa học, xuất bản ấn phẩm công bố công trình khoa học, thực hiện dịch vụ KH&CN.

Điều 4. Các hình thức hoạt động KH&CN

Các hoạt động sau đây của các tổ chức, cá nhân trong Trường Đại học Xây dựng Miền Tây được coi là những hoạt động KH&CN trong nhà trường:

1.Chủ trì hoặc tham gia tổ chức, chỉ đạo, thực hiện các chương trình, đề án, dự án, tham gia đề tài KH&CN, phát triển công nghệ.

- Đề tài NCKH cấp Nhà nước: Do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và quản lý.

- Đề tài NCKH cấp Bộ: do Bộ chủ quản xét duyệt và quản lý.

- Đề tài NCKH cấp tỉnh: Do Sở KH&CN quản lý, giá trị tương đương các đề tài cấp bộ.

- Đề tài NCKH cấp trường: Là những đề tài phục vụ công tác giảng dạy học tập và quản lý nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Đề tài cấp trường do Trường xét duyệt và cấp kinh phí thực hiện.

- Đề tài NCKH có yếu tố nước ngoài: Bao gồm đề tài NCKH hợp tác quốc tế theo Nghị định thư; các đề tài, dự án do các viện, trường, tổ chức nước ngoài tài trợ trực tiếp hoặc thông qua các chương trình hợp tác, ký kết với Trường.

2.Viết bài công bố công trình nghiên cứu trên các tạp chí khoa học, thông tin khoa học kỹ thuật chuyên ngành, viết bài tham luận tại các hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề khoa học, viết các chương trình phần mềm ...

3.Biên tập, phản biện bài viết, xuất bản ấn phẩm công bố công trình nghiên cứu trên thông tin khoa học, các hội nghị, hội thảo khoa học.

4.Biên dịch sách, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu khoa học, tài liệu tham khảo.

5. Tham gia các hội đồng tư vấn, nghiệm thu các chương trình, đề án, dự án, đề tài KH&CN, giáo trình, bài giảng, tài liệu khoa học.

6. Hướng dẫn sinh viên, học viên tham gia NCKH.

7. Tư vấn về chuyên giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật, kinh tế, chính trị, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn của giảng viên.

8. Tổ chức, tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH và công nghệ, tham gia các cuộc thi sáng tạo khoa học - kỹ thuật và hoạt động KH&CN.

9. Các hoạt động khoa học khác: Hoạt động chuyên giao công nghệ; Các sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích, ...

Điều 5. Trách nhiệm, quyền hạn thực hiện hoạt động KH&CN

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước Nhà nước, trực tiếp quản lý, điều hành các hoạt động KH&CN trong nhà trường. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được cơ quan cấp trên ủy quyền hoặc phân cấp theo quy định.

2. Hội đồng Khoa học (HĐKH), Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế (KH&HTQT) căn cứ định hướng, mục tiêu phát triển KH&CN của các cấp; căn cứ các nhiệm vụ được giao,... có trách nhiệm tổ chức xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các kế hoạch hoạt động KH&CN hàng năm; đề xuất các chương trình, đề tài, dự án và nhiệm vụ KH&CN; đăng ký tham gia tuyển chọn chủ trì các nhiệm vụ KH&CN; tư vấn việc gắn NCKH với đào tạo và chuyên giao công nghệ trình Hiệu Trưởng phê duyệt.

3. Phòng KH&HTQT chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị chức năng giúp Hiệu trưởng xây dựng quy định, quy chế về quản lý hoạt động KH&CN của trường; tổ chức thực hiện kế hoạch, thẩm định xét duyệt, kiểm tra, đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được cấp trên ủy quyền hoặc phân cấp quản lý; tổ chức giới thiệu kết quả nghiên cứu, quản lý các hoạt động ứng dụng, chuyên giao công nghệ, dịch vụ KH&CN của trường; tổ chức tổng kết đánh giá hoạt động KH&CN hàng năm, thực hiện các hoạt động báo cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm hoạt động KH&CN của trường.

4. Hội đồng khoa học, các đơn vị, cá nhân trong trường có trách nhiệm tham mưu, đề xuất với Hiệu trưởng nhà trường đầu tư, tăng cường trang thiết bị khoa học hiện đại, nâng cấp các phòng thí nghiệm,... phục vụ cho NCKH và chuyên giao công nghệ.

5. Phòng Tổ chức Hành chính phối hợp với Phòng KH&HTQT xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ KH&CN của trường thông qua các hình thức đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước.

6. Phòng Quản lý Đào tạo phối hợp với Phòng KH&HTQT để triển khai công tác gắn đào tạo với KH&CN và triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào giáo dục và đào tạo trong nhà trường.

7. Phòng Quản trị - Thiết bị phối hợp với Phòng KH&HTQT, phòng thí nghiệm có kế hoạch duy trì và tăng cường thiết bị phục vụ NCKH, tạo điều kiện để các khoa, bộ môn và các CBGV trong trường thực hiện nhiệm vụ KH&CN, tổ chức nghiên cứu và phát triển, tổ chức dịch vụ KH&CN.

8. Phòng Tài chính - Kế toán chịu trách nhiệm phối hợp với các phòng chức năng giúp Hiệu trưởng xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm cho hoạt động KH&CN. Quản lý các nguồn kinh phí, kiểm tra các khoản thu chi và báo cáo quyết toán cho hoạt động KH&CN theo quy định.

9. Các đơn vị trực thuộc trường có trách nhiệm quản lý, tổ chức và tạo điều kiện cho các tập thể, cá nhân trong đơn vị thực hiện nhiệm vụ KH&CN được giao. Hội đồng KH của đơn vị chịu trách nhiệm về mặt chuyên môn, thẩm định xét tuyển, đánh giá nghiệm thu các đề tài KH&CN của tập thể, cá nhân thuộc đơn vị quản lý.

10. Cán bộ, viên chức, giảng viên có trách nhiệm chủ trì, tham gia thực hiện đề tài KH&CN các cấp, viết giáo trình, bài giảng, sách tham khảo, hướng dẫn sinh viên NCKH, thực hiện hợp đồng KH&CN với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường,... và chịu trách nhiệm cá nhân với các kết quả nghiên cứu theo quy định.

11. Học viên, sinh viên được tạo điều kiện và khuyến khích NCKH, được đăng ký làm Chủ nhiệm đề tài KH&CN, được cộng tác tham gia thực hiện đề tài KH&CN với CBGV và tham gia các hoạt động KH&CN khác nếu có đủ điều kiện.

Điều 6. Tổ chức thực hiện hoạt động KH&CN

1. Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để các tập thể, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN, ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu, thành tựu KH&CN vào phục vụ sản xuất, đời sống, phát triển kinh tế - xã hội theo quy định hiện hành về quản lý KH&CN.

2. Nhà trường thực hiện kế hoạch đầu tư tăng cường trang thiết bị, nâng cấp các phòng thí nghiệm; tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về hoạt động KH&CN; đào tạo bồi dưỡng, trao đổi phát triển đội ngũ cán bộ hoạt động KH&CN.

3. Nhà trường hoặc các đơn vị được nhà trường uỷ quyền tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học trao đổi thông tin, kinh nghiệm quản lý về hoạt động KH&CN; xuất bản các ấn phẩm khoa học; quản lý, lưu trữ các kết quả nghiên cứu đề tài, dự án, ấn phẩm khoa học. Tham gia, tổ chức triển lãm giới thiệu kết quả hoạt động KH&CN, chuyển giao công nghệ.

4. Nhà trường hướng dẫn các tập thể, cá nhân ký hợp đồng hoạt động KH&CN với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài trường, thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về sở hữu trí tuệ, về tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, về kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động, bảo vệ môi trường,...

5. Nhà trường, Khoa tổ chức đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện các nhiệm vụ, đề tài KH&CN đã được phân cấp quản lý trên cơ sở nội dung bản thuyết minh nhiệm vụ, đề tài và hợp đồng thực hiện KH&CN.

6. Nhà trường phân bổ kinh phí hỗ trợ hoạt động KH&CN của đơn vị từ tổng kinh phí được xây dựng hàng năm.

Chương 2

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI, NGHIỆM THU VÀ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 7. Đối tượng đăng ký đề tài KH&CN

1. Các tập thể, CBGV trong Trường Đại học Xây dựng Miền Tây tại thời điểm xét duyệt, tuyển chọn không vi phạm quy định về quản lý đề tài KH&CN trong năm trước đều có quyền đăng ký thực hiện đề tài KH&CN cấp Cơ sở có lĩnh vực nghiên cứu phù hợp hoặc gắn với lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

2. Học viên, sinh viên đang học tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây (năm thứ hai) có học lực xếp từ loại khá trở lên, được một CBGV nhận hướng dẫn NCKH, không vi phạm quy định về quản lý đề tài KH&CN trong năm trước đều có quyền đăng ký thực hiện đề tài KH&CN của sinh viên phù hợp với chuyên môn đang được đào tạo.

3. Mỗi đề tài có thể do một cá nhân hoặc một tập thể thực hiện (trường hợp tập thể thực hiện thì chỉ có một cá nhân làm Chủ nhiệm đề tài, một cá nhân làm Thư ký đề tài, không có các đồng Chủ nhiệm đề tài). Một cá nhân không chủ trì thực hiện từ 2 đề tài, dự án thử nghiệm trở lên trong cùng một thời gian.

4. Đề tài KH&CN cấp trường có thời gian nghiên cứu không quá 12 tháng và tối đa 3 cá nhân/đề tài, trong trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 8. Yêu cầu đối với đề tài KH&CN

1. Đề tài phải có ý nghĩa khoa học và có tính thực tiễn, giải quyết được những nhu cầu trước mắt và lâu dài theo định hướng ưu tiên nghiên cứu của nhà trường, đáp ứng yêu cầu phục vụ dạy - học, quản lý trong nhà trường và phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học kỹ thuật, kinh tế - xã hội của địa phương, khu vực và cả nước.

2. Kết quả nghiên cứu tạo ra những sản phẩm KH&CN phải có tính sáng tạo, giải quyết những vấn đề trong KH&CN nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển KH&CN.

3. Đề tài phải dự kiến được kết quả nghiên cứu, hiệu quả về kinh tế, có tính khả thi, kết quả nghiên cứu có khả năng áp dụng phục vụ trong giảng dạy và học tập tại trường, có thể biên soạn thành giáo trình, xuất bản ấn phẩm khoa học.

4. Đề tài không được trùng lặp với nội dung của khoá luận tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ đã được thực hiện hoặc những sản phẩm, công trình KH&CN khác đã được công bố trong và ngoài nước

Điều 9. Tiêu chí xác định đề tài KH&CN

1. Đề tài KH&CN được xác định trên cơ sở đánh giá Phiếu đề xuất đề tài theo các tiêu chí: tên đề tài, tính cấp thiết của đề tài, mục tiêu của đề tài, nội dung nghiên cứu, sản phẩm và kết quả dự kiến của đề tài, kinh phí và hiệu quả dự kiến của đề tài.

2. Tên đề tài được đánh giá theo các nội dung: sự rõ ràng; tính khái quát; sự trùng lặp với các đề tài đã và đang nghiên cứu.

3. Tính cấp thiết được đánh giá theo các nội dung: sự phù hợp với định hướng nghiên cứu; nhu cầu của thực tiễn giáo dục và đào tạo; nhu cầu chuyên gia công nghệ, phục vụ sản xuất kinh doanh; yêu cầu chung của nghiên cứu phát triển.

4. Mục tiêu được đánh giá theo các nội dung: sự rõ ràng, cụ thể; sự phù hợp với tên đề tài.

5. Nội dung nghiên cứu được đánh giá theo các nội dung: sự phù hợp với mục tiêu của đề tài, tính khả thi khi thực hiện.

6. Sản phẩm và kết quả dự kiến của đề tài được đánh giá theo các nội dung: khả năng có được sản phẩm khoa học, sản phẩm đào tạo, sản phẩm ứng dụng, sản phẩm khác.

7. Kinh phí của đề tài được đánh giá theo nội dung: sự phù hợp với nội dung nghiên cứu.

8. Hiệu quả dự kiến của đề tài được đánh giá theo các nội dung: hiệu quả về giáo dục và đào tạo, hiệu quả về kinh tế - xã hội, hiệu quả về khoa học.

Điều 10. Các bước thực hiện đề tài KH&CN

1. Đề tài cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh

Bước	Trình tự thực hiện	Diễn giải	Biểu mẫu	Trách nhiệm
1	Chuẩn bị hồ sơ và đăng ký đề tài	Căn cứ thông báo đề xuất đề tài, dự án (gọi chung là đề tài) KH&CN của tỉnh và các cơ quan Trung ương có hoạt động KH&CN, Phòng KH&HTQT sẽ thông báo đến các cá nhân hay tập thể nghiên cứu đề xuất, đăng ký đề tài gồm thuyết minh đề cương và dự toán (được trưởng đơn vị xác nhận) gửi về phòng KH&HTQT (mẫu theo quy định của cấp quản lý).	Theo Quy định của cấp quản lý	Các đơn vị, Giảng viên, giáo viên
2	Tổng hợp đề tài	Phòng KH&HTQT tổng hợp, lập danh sách đề tài đăng ký trình Hội đồng KH cấp trường xét duyệt và gửi đăng ký cho cơ quan chủ quản.		Phòng KH&HTQT
3	Thực hiện đề tài	Sau khi đề tài đề xuất được cơ quan chủ quản phê duyệt thực hiện, chủ nhiệm đề tài xây dựng tiến hành các bước khác theo quy định của cơ quan chủ quản. Phòng KH&HTQT chịu trách nhiệm hướng dẫn các chủ nhiệm đề tài thực hiện.		Các tác giả

2. Đề tài NCKH cấp trường

Bước	Trình tự thực hiện	Diễn giải	Biểu mẫu	Trách nhiệm
1	Chuẩn bị hồ sơ và đăng ký đề tài	Các đơn vị gửi danh mục đăng ký gồm phiếu đề xuất, thuyết minh, dự toán đề tài KH&CN và biên bản họp phòng, khoa, bộ môn về Phòng KH&HTQT. - Thời gian: từ ngày 1-10 tháng 10 hàng năm	M.KH01, M.KH02; M.KH03	Các đơn vị, Giảng viên.

Bước	Trình tự thực hiện	Diễn giải	Biểu mẫu	Trách nhiệm
2	Xét duyệt đề tài	<ul style="list-style-type: none"> - Trên cơ sở đề nghị của các cá nhân, tập thể, Phòng KH&HTQT tổng hợp đề xuất lên Hội đồng Khoa học nhà Trường xét duyệt - Hội đồng Khoa học (HĐKH) nhà Trường họp xét duyệt các đề tài đồng thời đề nghị chủ nhiệm đề tài chỉnh sửa theo yêu cầu của hội đồng (nếu có). - HĐKH tiến hành bỏ phiếu kín và các đề tài KHCN khi đạt được 70% đồng ý thực hiện của các thành viên trong HĐKH thì mới được trình Hiệu Trường phê duyệt thực hiện 		Phòng KH&HTQT
3	Đánh mã số quản lý đề tài cấp trường	<p>Sau khi các đề tài đăng ký được phê duyệt triển khai thực hiện Phòng KH&HTQT tiến hành đánh mã số cho đề tài, mỗi đề tài được đánh một mã số quản lý đề tài. Mã số quản lý đề tài là một chuỗi các ký tự có dạng “AA.BB.CC.DD”. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - AA là mã giảng viên hoặc sinh viên và được ký hiệu GV hay SV. - BB là mã loại hình nghiên cứu của đề tài, bao gồm: 01 (cơ bản), 02 (ứng dụng) và 03 (triển khai). - CC là mã năm thực hiện đề tài (ví dụ năm 2012, lấy ký tự cuối là 12). - DD là số thứ tự đề tài được phê duyệt thực hiện trong mỗi lĩnh vực ở từng loại hình nghiên cứu qua từng năm, được đánh số từ 01 đến 99. <p>Ví dụ: giảng viên Nguyễn Văn X, tham</p>		Phòng KH&HTQT

Bước	Trình tự thực hiện	Diễn giải	Biểu mẫu	Trách nhiệm
		gia đề tài ứng dụng, được phê duyệt năm học 2014, có số thứ tự là 9. Mã số của đề tài là: GV.02.14.09		
4	Thực hiện nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi nhận được thông báo phê duyệt và mã số đề tài, Chủ nhiệm đề tài tiến hành soạn và ký kết hợp đồng thực hiện đề tài với Hiệu trưởng nhà Trường - Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết trong đó nêu rõ các mốc thời gian hoàn thành các công việc nghiên cứu và chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng thuyết minh đã gửi về Phòng KH&HTQT. - Thời gian nghiên cứu được tính từ ngày Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt thực hiện. 	M.KH04 M.KH05	Chủ nhiệm đề tài
5	Điều chỉnh đề tài	Trong quá trình thực hiện nghiên cứu đề tài nếu có điều chỉnh phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho Phòng KH&HTQT để trình Hiệu trưởng xem xét quyết định	M.KH06	Chủ nhiệm đề tài
6	Tổ chức hội thảo	<ul style="list-style-type: none"> - Hội thảo cấp khoa: sau khi đề tài được thực hiện xong, Chủ nhiệm đề tài tổ chức hội thảo cấp Phòng/Khoa/Bộ môn với thành phần là các CB, GV trong Phòng/Khoa/Bộ môn để lấy ý kiến đóng góp cho đề tài. - Hội thảo cấp Trường: Sau khi hội thảo cấp Phòng/Khoa/Bộ môn và chỉnh sửa lại theo các ý kiến đóng góp tại hội thảo cấp khoa, Chủ nhiệm đề tài phối hợp phòng KH&HTQT tổ chức hội thảo cấp trường. Phòng KH&HTQT tiến hành thành lập Ban chủ trì hội thảo để giúp Chủ nhiệm đề tài tổ chức hội thảo, thành phần tham 		Chủ nhiệm đề tài Chủ nhiệm đề tài, Phòng KH&HTQT

Bước	Trình tự thực hiện	Diễn giải	Biểu mẫu	Trách nhiệm
		<p>dự hội thảo gồm: các thành viên tham gia biên soạn đề tài, các chuyên gia trong và ngoài trường có chuyên môn cùng lĩnh vực với đề tài nghiên cứu, số lượng do Ban chủ trì hội thảo quyết định. Tùy đề tài cụ thể có thể kết hợp giữa hội thảo cấp khoa/Bộ môn với hội thảo cấp trường là một, việc kết hợp này phải được thường trực hội đồng khoa học nhà trường chấp thuận.</p>		
7	<p>Nghiệm thu đề tài</p>	<p>Sau khi hội thảo trong vòng 30 ngày chủ nhiệm đề tài phải chỉnh sửa lại đề tài theo các ý kiến đóng góp và gửi bản đã chỉnh sửa về Phòng KH&HTQT (9 bản) kèm theo biên bản giải trình việc chỉnh sửa (nêu rõ những phần đã chỉnh sửa và những phần không chỉnh sửa theo ý kiến các thành viên tham dự hội thảo) và phiếu đề nghị đánh giá nghiệm thu đề tài</p> <p>- Trên cơ sở trên phòng KH&HTQT tiến hành kiểm tra sơ bộ hồ sơ đề tài, nếu đủ điều kiện sẽ trình Hiệu trưởng ký quyết định thành lập hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức, hội đồng có ít nhất là 5 thành viên, tổng số thành viên chính thức là số lẻ. Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng là chủ tịch hội đồng (trong trường hợp cần thiết có thêm phó chủ tịch hội đồng), 01 ủy viên thường trực, 01 thư ký hội đồng, 2 phản biện (trong và ngoài trường), 2 ủy viên trở lên, đại biểu mời.</p> <p>Sau khi tổ chức nghiệm thu đề tài, Trong vòng 30 ngày kể từ ngày họp Hội</p>	M.KH07	

Bước	Trình tự thực hiện	Diễn giải	Biểu mẫu	Trách nhiệm
		<p>đồng đánh giá nghiệm thu, chủ nhiệm đề tài sẽ tiến hành chỉnh sửa trên cơ sở những ý kiến đóng góp được nêu ra trong cuộc họp nghiệm thu (nếu có) và gửi bản đã chỉnh sửa về Phòng KH&HTQT (5 bản) kèm theo biên bản giải trình việc chỉnh sửa, phòng KH&HTQT sẽ tiếp tục kiểm tra lại hồ sơ đề tài và trình Hiệu trưởng ký Quyết định nghiệm thu đề tài.</p> <p>Hội đồng KH cấp trường đánh giá đề tài NCKH gồm các mức sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đạt yêu cầu: <ol style="list-style-type: none"> a. Tốt b. Khá c. Trung bình 2. Không đạt yêu cầu 		
8	Thanh lý hợp đồng	<p>Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục của đề tài được nghiệm thu, tiến hành quyết toán và thanh lý hợp đồng gửi về phòng KH-HTQT sau 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định nghiệm thu đề tài.</p>	M.KH08	

3. Đề tài NCKH của sinh viên thực hiện theo quy định riêng.

Điều 11. Chế độ báo cáo và kiểm tra định kỳ đề tài KH&CN

1. Định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ lúc được phê duyệt thực hiện đề tài, chủ nhiệm đề tài phải làm báo cáo tiến độ thực hiện việc nghiên cứu của mình bằng văn bản (Mẫu M.KH09) kèm theo minh chứng gửi Phòng KH&HTQT để phòng theo dõi và báo cáo Hiệu trưởng.

2. Đối với đề tài cấp Bộ, tỉnh... Phòng KH&HTQT kết hợp với đơn vị chủ quản lập kế hoạch kiểm tra định kỳ tiến độ thực hiện đề tài và làm báo cáo trình Hiệu trưởng theo đúng quy định.

Điều 12. Công nhận kết quả NCKH những đề tài không phải do hội đồng KH nhà trường xét duyệt

Các đề tài NCKH không do Hội đồng KH cấp trường phê duyệt, do tổ chức hoặc cá nhân thực hiện tạo ra các sản phẩm hoặc quy trình KH&CN có giá trị khoa học, Chủ nhiệm đề tài có thể xin làm thủ tục đăng ký công nhận kết quả NCKH. Hồ sơ được lập theo đề tài NCKH cùng cấp đề nghị và xét công nhận. Phòng KH-HTQT có trách nhiệm hướng dẫn chủ nhiệm đề tài hoàn thành thủ tục đăng ký xét công nhận

Điều 13. Quy định về cách thức trình bày đề tài

1. Yêu cầu chung

– Cấu trúc đề tài nghiên cứu phải được trình bày đầy đủ các phần theo trình tự: Mở đầu, các chương, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục.

– Khi sử dụng các nguồn tài liệu khác phải chú dẫn rõ ràng đầy đủ tên tác giả, nguồn tài liệu một cách khoa học, chính xác.

– Về hình thức, đề tài phải được trình bày mạch lạc, rõ ràng, sạch sẽ, theo đúng yêu cầu ghi trong hướng dẫn này.

2. Yêu cầu cụ thể

a. Về bố cục

Kết quả nghiên cứu đề tài được trình bày theo bố cục sau:

– Bìa (mẫu)/trang phụ bìa/mục lục/các kí hiệu, các chữ viết tắt (nếu có)

– Danh mục các bảng (nếu có)/danh mục các hình vẽ, đồ thị (nếu có)

– Mở đầu/ Chương 1 (các tiểu mục 1.1...; 1.2...; ...)/ Chương 2 (các tiểu mục 2.1...; 2.2...; ...)/Kết luận/ Tài liệu tham khảo/ Phụ lục.

b. Về hình thức trình bày

– **Hình thức soạn thảo:** Văn bản khoa học được trình bày theo kiểu chữ Times New Roman cỡ 13 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,3 line; lề trên 2 cm; lề dưới 2 cm; lề trái 3 cm; lề phải 2 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía dưới mỗi trang giấy. Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ A4 (210 x 297 mm).

– **Tiểu mục:** Các tiểu mục trong đề tài được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm ba chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ: 1.3.2. chỉ tiêu

mục 1 nhóm tiểu mục 2 mục 3 chương 1). Tại mỗi nhóm tiểu mục phải có ít nhất hai tiểu mục, nghĩa là không thể có tiểu mục 3.1.1 mà không có tiểu mục 3.1.2 tiếp theo.

– **Bảng biểu, hình vẽ, biểu thức:** Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ biểu thức phải rõ ràng, phải gắn liền với số chương; ví dụ: 1.2. có nghĩa là hình thứ 2 trong chương 1. Các bảng biểu lấy từ các nguồn khác phải được chú dẫn đầy đủ. Các hình ảnh phải được trình bày rõ ràng; có đánh số và ghi đầy đủ đầu đề; cỡ chữ phải bằng cỡ chữ sử dụng trong văn bản. Khi đề cập đến các bảng biểu và hình vẽ phải nêu rõ số của hình và bảng biểu đó, ví dụ: “... được nêu trong bảng 2.3”, “...xem hình 4.3.”.

– **Viết tắt:** Chỉ viết tắt những từ, cụm từ dài; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong đề tài. Nếu đề tài NCKH có nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo ABC) ở phần đầu của đề tài.

– **Trích dẫn và tài liệu tham khảo:** Các trích dẫn phải chỉ rõ nguồn trong danh mục tài liệu tham khảo của đề tài. Đoạn trích dẫn phải đặt trong ngoặc kép. Khi ghi nguồn tài liệu tham khảo trong đề tài ghi theo số thứ tự của tài liệu ở danh mục tài liệu tham khảo và đặt trong ngoặc vuông, ví dụ: [3, tr.46], [4,tr.3-5] hoặc [3], [4], [5].

– **Phụ lục của công trình:** Bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc hỗ trợ cho nội dung đề tài như số liệu, mẫu biểu, tranh ảnh,... Nếu quá trình nghiên cứu đề tài có sử dụng những câu trả lời cho một bảng câu hỏi thì phải được đưa vào phần phụ lục ở dạng nguyên bản đã **đùng** để điều tra, thăm dò.

– Các đề tài không đúng quy định thường trực hội đồng khoa học từ chối tiếp nhận.

Chương 3

KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ QUY ĐỔI GIỜ NCKH

Điều 14. Cấp phát kinh phí đề tài KH&CN

1. Kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài KH&CN cấp Bộ, tỉnh thực hiện theo quy định của cơ quan chủ quản đề tài

2. Kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài KH&CN cấp Trường được cấp từ nguồn kinh phí của nhà trường phân bổ hỗ trợ cho các hoạt động KH&CN của đơn vị. Kinh phí được cấp theo năm tài chính để thuận tiện cho việc quản lý, tạm ứng, thanh quyết toán. Thanh, quyết toán kinh phí thực hiện đề tài NCKH theo Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKH&CN đối với đề tài cấp bộ, cấp tỉnh, cấp nhà nước; với đề tài cấp trường theo quy định Chế độ công tác giáo viên, giảng viên Trường Đại học Xây

dụng Miền Tây. Phòng Tài chính Kế toán có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí theo các quy định hiện hành.

3. Kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài cấp Trường gồm các khoản chi cho một số nội dung theo định mức:

ST T	Nội dung công việc, nhiệm vụ thực hiện	Định mức (đồng)	Ghi chú
Phần chi phí không được nhà Trường hỗ trợ khi quy đổi giờ lao động tham gia hoạt động KH&CN			
1	Chi xây dựng Thuyết minh đề tài ở Khoa/Bộ môn.	500.000	Chủ nhiệm đề tài chi trực tiếp
2	Chi thù lao thực hiện nghiên cứu	1.000.000/tháng	Chủ nhiệm đề tài và các thành viên tham gia
Phần chi phí được nhà Trường hỗ trợ kể cả khi quy đổi giờ lao động tham gia hoạt động KH&CN			
3	Chi mua sắm vật tư, thiết bị, tài liệu nghiên cứu, thí nghiệm... (ghi cụ thể số lượng, giá từng loại).	Dự trù chi tiết từng loại theo yêu cầu cần thiết để thực hiện đề tài và ý kiến đề xuất của Hội đồng thẩm định, xét tuyển.	
4	Chi phí thuê nhân công, đi lại của đại biểu, chuyên gia (nếu có)	Dự trù chi tiết theo đơn giá nhân công do Sở XD Vĩnh Long ban hành	
5	Chi phí phục vụ hội thảo, nghiệm thu (nước uống)	200.000/buổi	
6	- Photo, in ấn tài liệu hội thảo, nghiệm thu...	/đề tài	Thanh toán theo thực tế
7	Hội thảo khoa học Chủ trì HT (1 Người):	200.000	số lượng khách mời

	Ủy viên (2, 4 UV): Khách mời (10-20 người)	150.000/UV 70.000/người	tham dự hội thảo tùy thuộc vào đề tài và tác giả
8	Hội đồng đánh giá nghiệm thu - Chủ tịch Hội đồng (1 người) -Ủy viên (4 – 6 UV) -Cán bộ phân biện: Cấp trường (2CB): Khoa (2CB):	200.000 150.000/UV 500.000/CB 400.000đ/CB	

4. Tạm ứng và sử dụng kinh phí: Chủ nhiệm đề tài được tạm ứng kinh phí khi bắt đầu tiến hành và sau mỗi đợt kiểm tra tiến độ đề tài hàng năm; đồng thời thanh quyết toán sau khi nghiệm thu đề tài.

5. Chủ nhiệm đề tài trực tiếp quyết toán kinh phí hàng năm với phòng Tài chính kế toán. Hồ sơ gồm:

- Quyết định giao thực hiện nhiệm vụ NCKH
- Hợp đồng triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu
- Quyết định công nhận nghiệm thu đề tài
- Lập bảng kê tổng hợp thực chi theo dự toán được duyệt và chứng từ đi kèm.

(Mẫu M.KH10)

Chương 4

QUY ĐỊNH GIỜ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 15. Định mức giờ hoạt động KH&CN

Căn cứ Điều 9, Thông tư Số: 06/2011/TTLT-BNV-BGDĐT ngày 06/6/2011 Liên tịch Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc, chính sách đối với giảng viên tại cơ sở đào tạo. Căn cứ điều kiện, tình hình thực tế của CBGV, nhà trường quy định định mức giờ hoạt động KH&CN của giảng viên trong trường, như sau:

Nhóm môn giảng	Giảng dạy Đại học, Cao Đẳng		
	Giáo sư và giảng viên cao cấp	Phó giáo sư và giảng viên chính	Giảng viên
Quy định chung cho các môn	204	180	145
Các môn GDQP, GDTC	96	96	96

Nhóm môn giảng	Giảng dạy TCCN, TCN		
	Giáo sư và giảng viên cao cấp	Phó giáo sư và giảng viên chính	Giảng viên
Quy định chung cho các môn	48	48	48

Ghi chú: Giờ NCKH ở trên chưa bao gồm giờ hoạt động chuyên môn, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Đối với giảng viên giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, đoàn thể: định mức giờ chuẩn về nhiệm vụ NCKH được tính giảm theo quy định chế độ công tác giáo viên, giảng viên.

Điều 16. Quy đổi giờ lao động tham gia hoạt động KH&CN

1. Các hoạt động KH&CN mà Trường với tư cách là cơ quan chủ quản, cơ quan chủ trì hoặc phối hợp với đơn vị khác thực hiện, nếu CBGV của Trường tham gia (có Quyết định của Hiệu trưởng) thì được quy đổi tính giờ tham gia hoạt động KH&CN (Những trường hợp được mời tham gia hoạt động KH&CN ngoài trường với tư cách cá nhân thì không được quy đổi tính giờ).

2. Nhà trường quy định quy đổi các hoạt động KH&CN của CBGV thành giờ tham gia hoạt động KH&CN, như sau:

TT	Hoạt động khoa học và công nghệ	Đơn vị tính	Số giờ hoạt động quy đổi	Ghi chú
1	Thực hiện đề tài cấp Bộ hoặc các cấp tương đương (Tỉnh/Ngành/...).	Đề tài/năm	Kinh phí cấp cho đề tài trong năm: 300.000 đ/giờ chuẩn	Những người cùng tham gia thực hiện thì tùy theo mức độ
2	Thực hiện đề tài cấp Cơ sở (theo kết quả xếp loại nghiệm thu TB/Khá/Tốt).	Đề tài	150/160/180	công việc đã thực hiện được mà chủ nhiệm đề tài quyết định phân chia cụ thể số giờ lao động được hưởng cho từng người trong tổng số giờ được qui định.
3	Bài đăng tạp chí quốc tế (theo điểm số 1/2/3).	Bài	100/200/300	
4	Bài đăng tạp chí chuyên ngành có chỉ số ISSN.		40	
5	Bài đăng tạp chí trường đại học có chỉ số ISSN.		30	
6	Bài đăng kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế.		20	

TT	Hoạt động khoa học và công nghệ	Đơn vị tính	Số giờ hoạt động quy đổi	Ghi chú
7	Bài đăng kỷ yếu khoa học, thông tin khoa học. Đúng chuyên ngành/không đúng chuyên ngành		4/2	
8	Chủ tịch HĐNT cấp Cơ sở	Đề tài	3	Hoặc các cấp tương đương
9	Phản biện HĐNT cấp Cơ sở		7	
10	UV, TKKH HĐNT cấp Cơ sở		2	
11	Hướng dẫn học viên, sinh viên NCKH (theo xếp loại kết quả nghiệm thu TB/Khá/Tốt).	Đề tài	30/40/50	Học viên, sinh viên của Trường ĐH XD Miền Tây.
12	Phản biện, biên tập bài báo khoa học đăng kỷ yếu khoa học/thông tin khoa học của Trường.	Bài báo	5/3	
13	Các hoạt động KH&CN khác.	Tính giờ hoạt động KH&CN theo kế hoạch và đề xuất đã được Hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực hiện.		

Ghi chú: các tác giả đề tài nếu nhận tiền thù lao nghiên cứu thì không được tính quy đổi giờ lao động tham gia hoạt động KH&CN và ngược lại

Điều 17. Chế độ miễn, giảm công tác NCKH

Giảng viên đang học nghiên cứu sinh, Chính trị được miễn nhiệm vụ NCKH. Các trường hợp khác do chủ tịch Hội đồng KH&ĐT cấp trường do Quyết định.

Các trường hợp khác như đau bệnh, nghỉ thai sản,... không thể tham gia công tác NCKH thì làm đơn xin miễn, giảm, Lãnh đạo Phòng/ Khoa/ Trung tâm trình chủ tịch Hội đồng KH&ĐT cấp trường xem xét giải quyết được miễn, giảm hoặc gia hạn thời gian nghiên cứu.

CHƯƠNG 5

ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ THAM DỰ HỘI THẢO

Điều 18. Đăng kí quyền sở hữu trí tuệ (SHTT)

1. Nhà trường thực hiện quyền chủ sở hữu tất cả các đề tài NCKH và các quy trình, sản phẩm từ NCKH do Trường quản lý và chủ trì. Chủ nhiệm đề tài có quyền tác giả cho công trình NCKH được nhà trường giao có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh theo quy định của pháp luật về quyền SHTT.

2. Đăng ký quyền SHTT là trách nhiệm của Nhà trường. Đối tượng đăng ký quyền SHTT là tất cả các sản phẩm hoặc quy trình khoa học công nghệ từ kết quả NCKH. Hội đồng KH&ĐT cấp trường tham mưu cho Hiệu trưởng quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

3. Kinh phí đăng ký quyền SHTT được dự đoán trong kinh phí thực hiện đề tài NCKH áp dụng theo Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT/BTC-BKHCN của Bộ Tài chính và Bộ KHCN. Các trường hợp khác sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 19. Chuyển giao công nghệ

Nhà trường thực hiện công tác chuyển giao KH&CN. Phòng KH-HTQT có trách nhiệm cùng tác giả và đơn vị liên quan tổ chức đàm phán với đối tác và thực hiện công tác chuyển giao KH&CN. Phương thức, nội dung hợp đồng và xử lý vi phạm về công tác chuyển giao công nghệ được thực hiện theo qui định của Luật SHTT hiện hành.

Điều 20. Định mức sở hữu trí tuệ

1. Nguồn thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ (sau khi trừ chi phí tạo ra tài sản trí tuệ và đăng ký SHTT) đối với các sản phẩm hoặc quy trình KH&CN từ NCKH do Trường quản lý và chủ trì định mức như sau:

- Quyền tác giả: 30%;
- Chủ sở hữu: 70%

Định mức về quyền khai thác sản phẩm hoặc quy trình KH&CN được thể hiện trong hợp đồng giữa Trường và đơn vị, cá nhân liên quan.

Điều 21. Tham dự hội thảo.

Các cá nhân, tập thể khi muốn tham dự hội nghị, hội thảo tại các đơn vị ngoài Trường phải có phiếu đề xuất tham dự hội thảo và được Trường đơn vị; Ban giám hiệu

đồng ý (Mẫu M.KH11). Sau khi tham dự hội thảo phải có bảng báo cáo kết quả tham dự hội nghị, hội thảo gửi về đơn vị và phòng KH&HTQT. (Mẫu M.KH12).

Chương 7

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21. Khen thưởng và quyền lợi cá nhân thực hiện đề tài NCKH

1. Cán bộ giảng viên thực hiện đề tài KH&CN cấp Cơ sở được Hội đồng đánh giá nghiệm thu xếp loại từ “Đạt” trở lên được ghi vào lý lịch khoa học và được tính giờ tham gia hoạt động KH&CN theo kết quả xếp loại của đề tài.

2. Được tích lũy điểm công trình theo qui định của Hội đồng Chức danh Nhà nước khi có bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong và ngoài nước.

3. Được hưởng thù lao bản quyền, tác quyền từ các sản phẩm của công trình NCKH theo qui định.

4. Kết quả hoạt động KH&CN của cá nhân, đơn vị là một trong những căn cứ giao nhiệm vụ và phân bổ kinh phí của trường cho hoạt động KH&CN của cá nhân, đơn vị đó trong năm tiếp theo.

5. Việc tham gia và hoàn thành nhiệm vụ KH&CN còn là một trong những tiêu chuẩn bắt buộc xét danh hiệu thi đua, xét giảng viên giỏi và các chức danh khác.

Điều 22. Xử lý vi phạm

1. Các đơn vị và cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ trong hoạt động KH&CN mà không có lý do chính đáng được hội đồng KH chấp nhận thì phải hoàn trả lại số kinh phí đã được cấp và không được giao chủ nhiệm đề tài các cấp ít nhất trong thời gian 1 năm.

2. Các đề tài NCKH quá hạn so với hợp đồng đã ký kết, khi nghiệm thu chỉ được tính 80% số tiết chuẩn theo quy định.

3. Những hoạt động KH&CN không đạt yêu cầu khi nghiệm thu sẽ xử lý theo một trong hai hướng sau:

a. Cho phép kéo dài không quá 3 tháng để hoàn thiện và lập báo cáo mới, nhưng không được nhận thêm kinh phí. Hội đồng nghiệm thu sẽ đánh giá lại, kinh phí nghiệm thu do CNĐT chi trả.

b. Hoàn trả lại kinh phí đã được cấp với mức hoàn trả do Hội đồng nghiệm thu kiến nghị và Hiệu trưởng quyết định.

4. Các trường hợp tự ý chuyển giao công nghệ không thông qua lãnh đạo Nhà trường, tùy theo mức độ vi phạm sẽ được xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định của Nhà trường và pháp luật nhà nước hiện hành.

5. Các trường trường hợp đặc biệt sẽ do Hiệu Trưởng quyết định

Chương 6

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thực hiện:

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/11/2014, các Quy định khác trước đây trái với quy định này đều không có hiệu lực.

Đối với các đề tài đã được phê duyệt và đang thực hiện trước ngày quy định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt đề tài./.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Các Phòng, Khoa, Bộ môn, TT;
- Lưu HC, KH-HTQT.

HIỆU TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH
Về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong
Trường Đại học Xây dựng Miền Tây

Căn cứ quyết định số: 1528/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Xây dựng Miền Tây;

Căn cứ Quyết định số 596/QĐ-BXD ngày 27/5/2009 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế quản lý các nhiệm vụ, đề tài, dự án khoa học công nghệ, môi trường và sự nghiệp kinh tế từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước thuộc Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư Số: 06/2011/TTLT-BNV-BGDĐT ngày 06/6/2011 Liên tịch Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc, chính sách đối với giảng viên tại cơ sở đào tạo;

Căn cứ thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 07/5/2007 Hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ tình hình thực tế của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong Trường Đại học Xây dựng Miền Tây”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24/11/2014. Mọi Quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3: Các ông/bà Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Quản lý Đào tạo, Tài chính – Kế toán, Tổ chức Hành chính, các Khoa, Bộ môn và các đơn vị khác có liên quan căn cứ Quyết định này thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu KH&HTQT, TCHC.

HIỆU TRƯỞNG